

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2 NĂM 2015

Tháng 6 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	965	979	14	12.650	177.100	
102	8	536	540	4	12.650	50.600	
103	8	657	675	18	12.650	227.700	
104	7	408	416	8	12.650	101.200	
105	Phòng trực	803			12.650	0	
106	8	704			12.650	0	
107	PSHC	649			12.650	0	
108					12.650	0	
109	8	451	456	5	12.650	63.250	
110	6	486	493	7	12.650	88.550	
111	8	618	618	0	12.650	0	
112	7	424	440	16	12.650	202.400	
113	8	431	441	10	12.650	126.500	
114	8	324	333	9	12.650	113.850	
201	8	1071	1094	23	12.650	290.950	
202	8	917	933	16	12.650	202.400	
203	8	790	796	6	12.650	75.900	
204	8	765	800	35	12.650	442.750	
205	8	683	696	13	12.650	164.450	
206	8	686	686	0	12.650	0	
207	8	675	693	18	12.650	227.700	
208	7	703	713	10	12.650	126.500	
209	6	563	578	15	12.650	189.750	
210	5	459	461	2	12.650	25.300	
211	8	596	610	14	12.650	177.100	
212	8	515	521	6	12.650	75.900	
213	0	613	613	0	12.650	0	
214	8	645	653	8	12.650	101.200	
301	8	643	651	8	12.650	101.200	
302	7	558	568	10	12.650	126.500	
303	8	558	576	18	12.650	227.700	
304	8	549	563		12.650	0	
305	8	534	548	14	12.650	177.100	
306	8	571	580	9	12.650	113.850	
307	PSHC			0	12.650	0	
308				0	12.650	0	
309	8	507	510	3	12.650	37.950	
310	8	492	493	1	12.650	12.650	

311	7	484	496	12	12.650	151.800	
312	8	542	544	2	12.650	25.300	
313	6	590	596	6	12.650	75.900	
314	8	528			12.650	0	
401	8	533	534	1	12.650	12.650	
402	8	428	430	2	12.650	25.300	
403	8	426	433	7	12.650	88.550	
404	6	364	381	17	12.650	215.050	
405	8	342	346	4	12.650	50.600	
406	8	439			12.650	0	
407	5	494	497	3	12.650	37.950	
408	8	684	701	17	12.650	215.050	
409	7	390	391	1	12.650	12.650	
410	7	539	540	1	12.650	12.650	
411	8	406	406	0	12.650	0	
412	8	401	405	4	12.650	50.600	
413	8	456			12.650	0	
414	8	481	489	8	12.650	101.200	
501	8	272	272	0	12.650	0	
502	8	386	394	8	12.650	101.200	
503	7	486	486	0	12.650	0	
504	5	419	419	0	12.650	0	
505	8	448	460	12	12.650	151.800	
506	0	308	308	0	12.650	0	
507	8	464	468	4	12.650	50.600	
508	7	391	400	9	12.650	113.850	
509	8	387	392	5	12.650	63.250	
510	8	357	361	4	12.650	50.600	
511	8	225	223		12.650	0	
512	0	317	314		12.650	0	
513	0	266	264		12.650	0	
514	8	237	237	0	12.650	0	
Cộng	462			447		5.654.550	

(Bảng chữ: Năm triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn năm trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỢP TỔ KÝ TÚC XÁ NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC




ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà